TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CỔ PHẦN
Digitally signed by TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CỔ PHẦN
DN: cn=TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CỔ PHẦN, o=MST:3700148166, l=11/26/2018 5:03:34 PM, c=VN
Date: 2020.06.02 16:39:47 +07'00'

TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 75 /BC-TGĐ	*Bình Dương, ngày 21 tháng 5 năm 2020*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

Kính gửi: **Quý cổ đông**

Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, tôi xin được báo cáo cho toàn thể quý cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020 như sau:

I. Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2019 và triển vọng năm 2020:

1. Kinh tế thế giới:

Ngày 09/01/2020, Ngân hàng Thế giới cho biết, kinh tế thế giới năm 2019 có tốc độ tăng trưởng yếu nhất 10 năm kể từ khủng hoảng tài chính toàn cầu (giai đoạn 2008 – 2009). Năm 2019, kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bất ổn, đó là sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ thương mại, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ liên tục giảm lãi suất cơ bản, giá dầu biến động... So với dự báo đầu năm 2019, hầu hết các số liệu của Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế đều cho thấy tăng trưởng của nền kinh tế thế giới trong năm 2019 giảm, chỉ ở mức 2,9%. Tăng trưởng thương mại quốc tế cũng chỉ đạt 2,5%, mức thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây

2. Kinh tế Việt Nam:

Năm 2019, tăng trưởng kinh tế đạt 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6-6,8%, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao hàng đầu khu vực và thế giới. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011 - 2017. Bình quân năm 2019, chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra và cũng là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua.

Nền kinh tế Việt Nam 2019 có quy mô GDP ước đạt 266 tỷ Đô la Mỹ, thu nhập GDP bình quân đầu người đạt gần 2.800 Đô la Mỹ (2018: 2.587 Đô la Mỹ). Tăng trưởng GDP của Việt Nam được duy trì nhờ vào sức cầu trong nước, lĩnh vực chế biến - chế tạo, đặc biệt là khu vực kinh tế đối ngoại vững mạnh với xuất khẩu tăng trưởng trên 8% trong năm 2019, cao hơn gần 4 lần so với mức bình quân của thế giới. Tuy nhiên, Ngân hàng Thế giới cảnh báo kinh tế Việt Nam chưa miễn nhiễm với các cú sốc từ bên ngoài. Tăng trưởng xuất khẩu giảm từ 21% xuống 8% từ năm 2017 đến năm 2019. Đặc biệt, các thị trường xuất khẩu ngoài Mỹ chỉ tăng được 3,6% trong 11 tháng năm 2019. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các cơ sở sản xuất kinh doanh mới cũng chậm lại 30% so với hai năm trước đó, kể cả sau khi đã tính đến tăng trưởng từ đầu tư qua kênh mua bán và sáp nhập.

Cơ cấu kinh tế năm 2019 tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ. Khu vực nông,

lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,96% GDP (2018: 14,57%). Khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49% (2018: 34,28%); khu vực dịch vụ chiếm 41,64% (2018: 41,17%). Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91%.

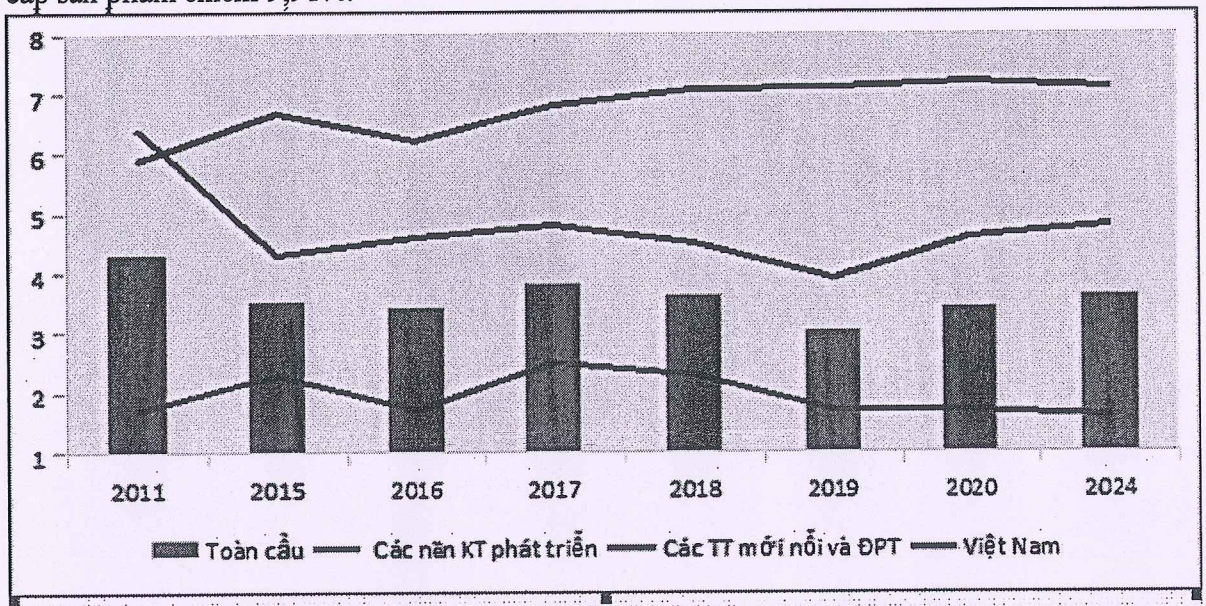

Tăng trưởng Việt Nam so với các khu vực trên thế giới. Nguồn: World Economic Outlook, 10/2019, Tổng cục Thống kê và tổng hợp các dự báo.

3. Triển vọng năm 2020:

Nền kinh tế toàn cầu

Dịch viêm phổi cấp do chủng mới của virus corona (Covid-19) diễn biến ngày càng phức tạp khiến kinh tế toàn cầu suy giảm và đặc biệt nghiêm trọng đối với các nước phụ thuộc vào xuất khẩu. Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, thế giới cần một thời gian dài để có thể phục hồi.

Theo dự báo mới nhất ngày 16/02/2020 của Quỹ Tiền tệ quốc tế, dưới tác động của dịch viêm phổi do chủng mới của virus corona gây ra (COVID-19), tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể suy giảm 0,2-0,3% so với mức 3,4% theo dự báo trước đó. Đây cũng là mức tăng trưởng thấp nhất của nền kinh tế thế giới kể từ năm 2009 (dưới 3,3%).

Nền kinh tế khu vực Asean

Các chuyên gia kinh tế cho rằng tác động của Covid-19 đến nền kinh tế các nước Đông Nam Á tuỳ thuộc vào mức độ lây lan của dịch bệnh ở từng quốc gia. Đến nay, qua các số liệu được công bố chính thức, thì hầu hết các nước ở khu vực này đang kiểm soát dịch khá tốt. Các nền kinh tế Đông Nam Á lại phụ thuộc quá nhiều vào xuất khẩu để duy trì mức tăng trưởng cao. Điều đó khiến cho kinh tế Đông Nam Á bị ảnh hưởng mạnh mẽ do nhu cầu nhập khẩu từ các thị trường khác giảm sút.

Nền kinh tế Việt Nam

GDP quý I-2020 của Việt Nam tăng 3,28%, thấp nhất kể từ năm 2009, vẫn được xem là điểm sáng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu lao dốc do đại dịch Covid-19.

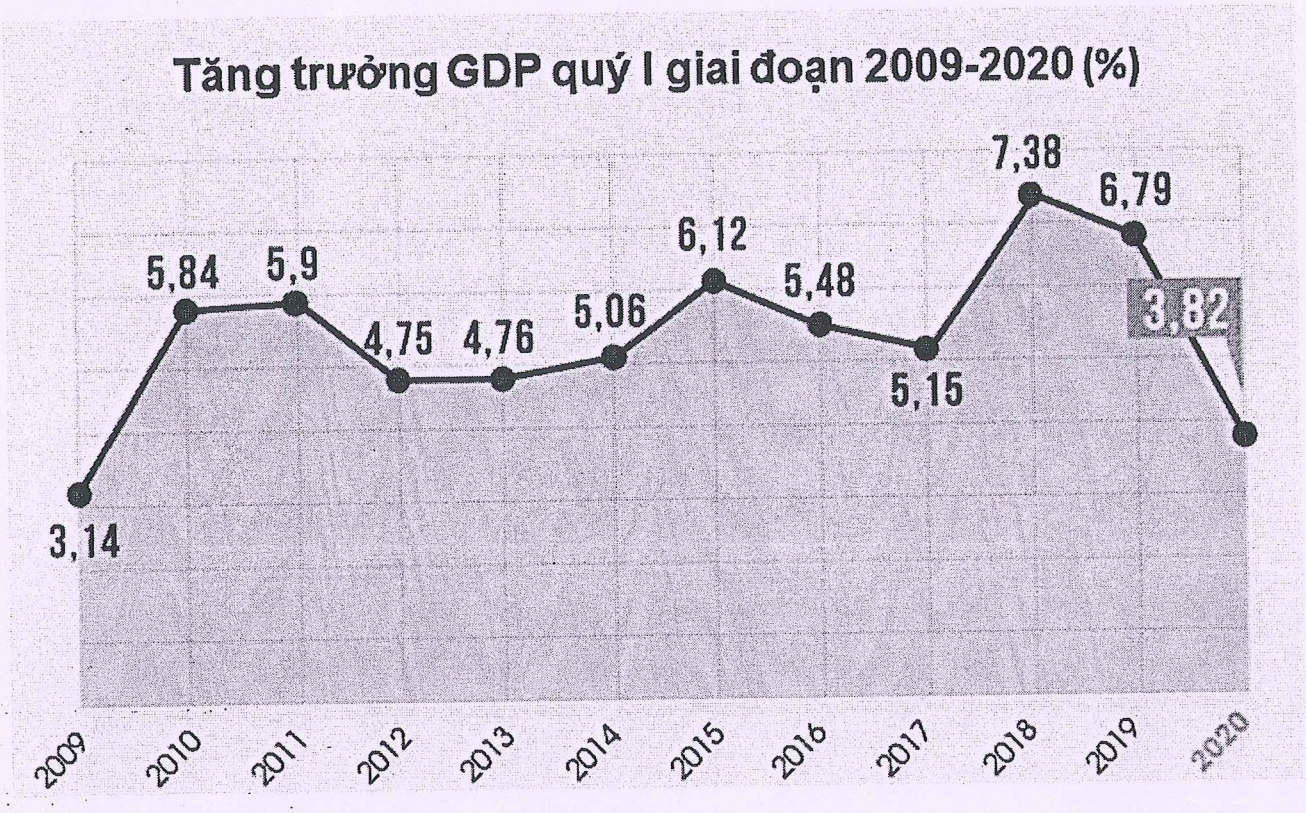

Ngày 31/03/2020, Ngân hàng Thế giới công bố Báo cáo cập nhật kinh tế Đông Á và Thái Bình Dương số tháng 4/2020 với tiêu đề: Đông Á và Thái Bình Dương thời COVID-19. Báo cáo nhận định mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 và những xáo trộn hiện nay trên thị trường tài chính toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam vẫn tạm thời đứng vững trước các cú sốc bên ngoài trong mấy tháng đầu năm 2020. Nhìn theo hướng tích cực, Việt Nam đang có vị thế vững chắc để hưởng lợi từ nhiều hiệp định thương mại tự do sắp có hiệu lực trong thời gian tới (EVFTA).

Theo Ngân hàng Thế giới, triển vọng trung hạn nhìn chung thuận lợi nhưng tăng trưởng GDP sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực do dịch bệnh COVID-19, nay đã trở thành đại dịch toàn cầu. Ước tính sơ bộ cho thấy, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế có thể giảm còn khoảng 4,9% năm 2020. Du lịch, chế tạo và chế biến là các ngành chịu tác động tiêu cực nhất của dịch bệnh do các chuỗi cung ứng bị gián đoạn.

Việt Nam là nền kinh tế nhỏ, mở và dễ bị tổn thương, phụ thuộc nhiều vào những quốc gia đối tác và môi trường quốc tế, đặc biệt là trong thương mại và đầu tư. Những quốc gia này vừa đóng vai trò là nhà đầu tư, bạn hàng, thị trường đầu ra lẫn nhà cung cấp các yếu tố đầu vào cho các ngành sản xuất của Việt Nam như xăng dầu, linh kiện, máy móc, vật tư, nguyên vật liệu. Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế, khi nền kinh tế Việt Nam quay trở lại với điều kiện vận hành bình thường, ngay cả trong kịch bản chống dịch thành công, thì hiệu quả, mức độ phục hồi như thế nào vẫn phải phụ thuộc rất lớn vào môi trường kinh doanh của thế giới.

Trong trung hạn, tăng trưởng dự báo sẽ quay lại lên đến 7,5% trong năm 2021 và quanh mức khoảng 6,5% năm 2022 nhờ sức cầu bên ngoài được cải thiện, ngành dịch vụ được củng cố và sản xuất nông nghiệp dần được khôi phục.

II. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

1. Kết quả hoạt động SX-KD năm 2019 qua một số chỉ tiêu chính:

1.1 Theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Năm 2019		TH 2019 so với KH 2019	
	Thực hiện	Kế hoạch	+/-	%
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.674.015.385.634	1.322.400.000.000	351.615.385.634	27%
2. Giá vốn hàng bán	1.274.630.973.760	988.900.000.000	285.730.973.760	29%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**399.384.411.874**	**333.500.000.000**	**65.884.411.874**	**20%**
4. Doanh thu hoạt động tài chính	44.419.299.524	5.700.000.000	38.719.299.524	679%
5. Chi phí tài chính	94.971.098.585	103.000.000.000	(8.028.901.415)	-8%
Trong đó: Chi phí lãi vay	*93.213.307.979*	*100.800.000.000*	*(7.586.692.021)*	*-8%*
6. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	*216.116.378.060*	*180.000.000.000*	*36.116.378.060*	*20%*
7. Chi phí bán hàng	40.849.293.019	41.900.000.000	(1.050.706.981)	-3%
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	114.977.399.390	143.200.000.000	(28.222.600.610)	-20%
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**409.122.298.464**	**231.100.000.000**	**141.905.920.404**	**61%**
10. Lợi nhuận khác	**6.682.234.281**	**5.000.000.000**	**1.682.234.281**	**34%**
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**415.804.532.745**	**236.100.000.000**	**143.588.154.685**	**61%**
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51.718.685.565	5.700.000.000	**46.018.685.565**	807%
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	63.023.066.800	-	**63.023.066.800**	
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**301.062.780.380**	**230.400.000.000**	**70.662.780.380**	**31%**
Phân bổ cho:				
- Công ty mẹ	*298.228.594.567*	*226.600.000.000*	*71.628.594.567*	*32%*
- Cổ đông thiểu số	*2.834.185.813*	*3.800.000.000*	*(965.814.187)*	*-25%*
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	**966**	**755**	**211**	**28%**

1.2 Theo BCTC riêng:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Năm 2019		TH 2019 so với KH 2019	
	Thực hiện	Kế hoạch	+/-	%
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.911.080.352	31.286.000.000	(13.374.919.648)	-43%
2. Giá vốn hàng bán	38.836.459.257	26.906.000.000	11.930.459.257	44%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**(20.925.378.905)**	**4.380.000.000**	**(25.305.378.905)**	**-578%**
4. Doanh thu hoạt động tài chính	592.472.752.766	403.344.000.000	189.128.752.766	47%
5. Chi phí tài chính	443.505.042.512	152.686.000.000	290.819.042.512	190%
Trong đó: Chi phí lãi vay	*116.195.958.048*	*100.000.000.000*	*16.195.958.048*	*16%*
6. Chi phí bán hàng	21.060.000	1.251.000.000	(1.229.940.000)	-98%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	60.251.278.124	69.046.000.000	(8.794.721.876)	-13%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**67.769.993.225**	**184.741.000.000**	**(116.971.006.775)**	**-63%**
9. Lợi nhuận khác	**(1.574.005.077)**	-	**(1.574.005.077)**	**-100%**
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**66.195.988.148**	**184.741.000.000**	**(118.545.011.852)**	**-64%**
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	125.000.000	(125.000.000)	-100%
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**66.195.988.148**	**184.616.000.000**	**(118.420.011.852)**	**-64%**

2. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2019:

+ **Doanh thu tài chính tăng**: trong năm 2019, Tổng Công ty đã nhận được cổ tức từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết là hơn 557 tỷ đồng. Cụ thể:

I. Cổ tức từ các công ty con	**Số tiền**
1. Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	270.000.000.000
2. Công ty cổ phần Thương mại – Tổng hợp Thuận An	2.219.360.000
II. Cổ tức từ các công ty liên doanh, liên kết	
1. Công ty FrieslandCampina Việt Nam	237.000.000.000
2. Công ty cổ phần May mặc Bình Dương	41.067.733.000
3. Công ty cổ phần Hưng Vượng	6.952.770.000
TỔNG CỘNG	**557.239.863.000**

Trong đó, phần chênh lệch tăng chủ yếu giữa thực hiện 2019 so với kế hoạch 2019 là đóng góp từ Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade vượt hơn 140 tỷ so với kế hoạch do giá cho thuê khu công nghiệp tăng đột biến từ mức bình quân 80 usd/m2/chu kỳ thuê lên mức 120 usd/m2/chu kỳ thuê và tăng diện tích đất cho thuê; cổ tức từ CTCP May mặc Bình Dương vượt hơn: 24 tỷ do điều kiện kinh doanh thuận lợi trong năm 2019.

+ **Chi phí tài chính tăng đột biến**: trong năm 2019, Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con và các công ty liên doanh, liên kết với tổng chi phí là hơn 325 tỷ đồng theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính (thay thế cho Thông tư 228/2009). Khoản trích lập này là nguyên nhân chính làm cho chi phí tài chính vượt hơn kế hoạch là 273 tỷ đồng. Cụ thể từng khoản trích lập dự phòng như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Số dự phòng
+ Dự phòng lỗ của CTCP Phát triển Phú Mỹ (Sân Golf Phú Mỹ)	35%	129.546.017.889
+ Dự phòng lỗ của CTCP Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	24%	159.395.155.287
+ Dự phòng lỗ của CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	30%	35.309.226.833
+ Dự phòng lỗ của Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	100%	1.342.731.842
TỔNG CỘNG		**325.593.131.851**

Chi phí quản lý doanh nghiệp: chi phí quản lý doanh nghiệp Thực hiện năm 2019 bằng 87% so với Kế hoạch năm 2019 chủ yếu là do Tổng công ty đã thu hồi được một số khoản nợ phải thu khó đòi đã lập dự phòng ở các năm trước. Trong năm 2019, Tổng công ty đã hoàn nhập (giảm chi phí quản lý doanh nghiệp) với số tiền là hơn 7,5 tỷ đồng. Chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp Thực hiện năm 2019 như sau:

STT	Khoản mục chi phí	Số tiền	%
1	Chi phí công cụ, dụng cụ	145.093.461	0%
2	Chi phí nhân công	25.131.625.094	42%
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.771.553.859	3%
4	Phân bổ lợi thế kinh doanh	19.302.000.000	32%
5	Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(7.577.880.491)	-13%
6	Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	0%
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.672.655.718	33%
8	Chi phí khác bằng tiền	1.803.230.483	3%
	TỔNG CỘNG	**60.251.278.124**	**100%**

Tóm lại: trong năm 2019, mặc dù Tổng công ty đã nhận được cổ tức từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết vượt hơn rất nhiều so với kế hoạch do các điều kiện kinh doanh gặp nhiều thuận lợi (ngành may mặc, cho thuê khu công nghiệp) nhưng việc thay đổi chính sách trích lập dự phòng đầu tư tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/BTC ngày 08/08/2019 của Bộ tài chính và lãi vay tăng cao đã làm cho lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty chỉ đạt 64% so với kế hoạch đã được cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

3. Tình hình đầu tư

Trong năm 2019, Ban TGĐ Tổng công ty chủ yếu đã đàm phán với CTCP Hưng Vượng và ông Đặng Công Thanh để hủy hợp đồng mua lại lần lượt là 4% và 15% cổ phần trong Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Thành. Tổng số tiền phải thu lại của hai hợp đồng này đến thời điểm 31/12/2019 là 867.713.536.000 đồng. Từ thời điểm ngày 01/01/2020 đến ngày 30/04/2020, ông Đặng Công Thanh đã thanh toán 250 tỷ đồng. Tại ngày 30/04/2020, số tiền còn phải thu ông Đặng Công Thanh là 435 tỷ đồng, số tiền còn phải thu CTCP Hưng Vượng là 182.975.581.000 đồng.

4. Đánh giá tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Từ 01/11/2018 đến 31/12/2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,95	0,55
- Hệ số thanh toán nhanh	0,86	0,48
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,43	0,48
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	0,75	0,94
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)		
- Vòng quay hàng tồn kho	0,12	0,02
- Tổng doanh thu/Tổng tài sản	0,12	0,00
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
- Hệ số LNST/Tổng doanh thu	11%	-143%
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	2,2%	-0,8%
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu và vay	1,9%	-0,8%
- Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	1,3%	-0,4%

Ghi chú: số liệu năm 2018 cho giai đoạn hoạt động của công ty cổ phần từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2018 nên không thể so sánh được với năm 2019.

Tóm lại: tình hình tài chính năm 2019 đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, doanh thu và LNST năm 2019 vẫn chưa đạt được như kế hoạch đề ra của cổ đông.

5. Nội dung khác:

Ngày 07/04/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã ra quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam để điều tra đối với hai lãnh đạo của Tổng Công ty liên quan đến hành vi "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí" quy định tại khoản 3, Điều 219, Bộ luật hình sự năm 2015. Quyết định khởi tố, bắt tạm giam đã được Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phê chuẩn ngày 08/04/2020.

III. Kế hoạch kinh doanh năm 2020:

1. Kế hoạch kinh doanh trên BCTC riêng & hợp nhất năm 2020 dự kiến như sau:

1.1. Kế hoạch kinh doanh trên BCTC riêng năm 2020:

CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2019	KH 2020 so với TH 2019	
	Kế hoạch	Thực hiện	+/-	%
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**13.579.000.000**	**17.911.080.352**	**(4.332.080.352)**	**-24%**
2. Giá vốn hàng bán	**13.509.000.000**	**38.836.459.257**	**(25.327.459.257)**	**-65%**
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**70.000.000**	**(20.925.378.905)**	**20.995.378.905**	**-100%**
4. Doanh thu hoạt động tài chính	290.577.000.000	592.472.752.766	(301.895.752.766)	-51%
5. Chi phí tài chính	102.635.000.000	443.505.042.512	(340.870.042.512)	-77%
Trong đó: Chi phí lãi vay	*97.073.000.000*	*116.195.958.048*	*(19.122.958.048)*	*-16%*
6. Chi phí bán hàng	22.000.000	21.060.000	940.000	4%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	58.772.000.000	60.251.278.124	(1.479.278.124)	-2%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**129.218.000.000**	**67.769.993.225**	**61.448.006.775**	**91%**
9. Lợi nhuận khác	**-**	**(1.574.005.077)**	**1.574.005.077**	**-100%**
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**129.218.000.000**	**66.195.988.148**	**63.022.011.852**	**95%**
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**129.218.000.000**	**66.195.988.148**	**63.022.011.852**	**95%**
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	**431**	**221**	**210**	

1.2. Kế hoạch kinh doanh trên BCTC hợp nhất năm 2020

CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2019	KH 2020 so với TH 2019	
	Kế hoạch	Thực hiện	+/-	%
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.389.356.000.000**	**1.674.015.385.634**	**(284.659.385.634)**	**-20%**
2. Giá vốn hàng bán	**1.122.589.000.000**	**1.274.630.973.760**	**(152.041.973.760)**	**-14%**
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**266.767.000.000**	**399.384.411.874**	**(132.617.411.874)**	**-50%**
4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.003.000.000	44.419.299.524	(28.416.299.524)	-178%
5. Chi phí tài chính	82.178.000.000	94.971.098.585	(12.793.098.585)	-16%
Trong đó: Chi phí lãi vay	*82.178.000.000*	*93.213.307.979*	*(11.035.307.979)*	*-13%*
6. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	189.047.000.000	216.116.378.060	*(27.069.378.060)*	*-14%*
7. Chi phí bán hàng	29.624.000.000	40.849.293.019	(11.225.293.019)	-38%
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	152.610.000.000	114.977.399.390	37.632.600.610	25%
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**207.405.000.000**	**409.122.298.464**	**(201.717.298.464)**	**-97%**
10. Lợi nhuận khác	**7.361.000.000**	**6.682.234.281**	**678.765.719**	**9%**
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**214.766.000.000**	**415.804.532.745**	**(201.038.532.745)**	**-94%**
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	39.762.000.000	51.718.685.565	(11.956.685.565)	-30%
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	612.000.000	63.023.066.800	(62.411.066.800)	**-10198%**
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**174.392.000.000**	**301.062.780.380**	**(126.670.780.380)**	**-73%**
- Lợi nhuận thuộc về cổ đông thiểu số	*1.099.000.000*	*2.834.185.813*	*(1.735.185.813)*	*-158%*
- Lợi nhuận thuộc về công ty mẹ	*173.293.000.000*	*298.228.594.567*	*(124.935.594.567)*	*-72%*
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	**578**	**966**	**(422)**	

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:

Căn cứ vào **kế hoạch lợi nhuận của BCTC riêng năm 2020** đã được báo cáo, Ban TGĐ đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5% LNST năm 2020
Quỹ thưởng ban điều hành	324.000.000 đồng
Quỹ đầu tư phát triển	5% LNST năm 2020
Thù lao HĐQT, BKS, các tiểu ban thuộc HĐQT, người quản trị công ty	2.246.400.000 đồng
Chia cổ tức	90.000.000.000 đồng

Kính thưa quý cổ đông, trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP. Ban điều hành và toàn thể nhân viên Tổng công ty sẽ nỗ lực hết mình để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được toàn thể cổ đông giao phó.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM.BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT & BKS;*
- *Lưu.*

M.S.D.N: 3700148166 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT-XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN AN ĐỊNH